

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Viết Hoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Viết Thanh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương Hoa	Thành viên
Ông Đỗ Viết Tập	Thành viên
Ông Đinh Trần Quân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hồ Tuấn Hoàn	Thành viên
Bà Phạm Thanh Thân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Viết Tập	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Phương Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đỗ Viết Tập - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Viết Tập
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 05 năm 2022

Số: 050603/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 05 năm 2022 từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2019-072-1
Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2022

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		403.990.366.005	348.768.540.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.573.496.525	8.393.068.661
1. Tiền	111		1.323.496.525	893.068.661
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.250.000.000	7.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.077.216.438	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	18.077.216.438	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.806.299.647	326.642.843.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.988.200.686	3.045.557.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.901.180.058	4.681.278.570
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.000.000.000	1.070.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	331.120.342.870	328.049.431.686
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.221.423.967)	(10.221.423.967)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		18.000.000	18.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		16.060.998.557	13.302.657.801
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16.060.998.557	13.302.657.801
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		472.354.838	429.970.413
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	160.280.808	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		109.442.437	394.549.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	202.631.593	35.421.009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.361.409.752	29.293.544.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.430.020	345.430.020
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	295.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	50.430.020	50.430.020
II. Tài sản cố định	220		12.889.320.640	15.944.340.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.889.320.640	15.944.340.330
- Nguyên giá	222		27.119.945.566	26.810.537.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.230.624.926)	(10.866.197.527)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	12.146.558.953	12.638.627.069
- Nguyên giá	231		17.231.262.795	17.231.262.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.084.703.842)	(4.592.635.726)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		275.100.139	365.147.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	-	139.924.244
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		275.100.139	225.222.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		429.351.775.757	378.062.085.138

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.050.540.543	20.769.199.570
I. Nợ ngắn hạn	310		30.061.949.906	10.251.769.599
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	967.830.834	1.363.000.938
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	20.000.000.000	2.595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	378.344.559	87.984.636
4. Phải trả người lao động	314		595.950.000	423.200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.276.670.054	3.276.670.054
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.727.273	152.727.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	3.767.657.917	3.908.314.834
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	969.504.000	969.504.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.265.269	70.365.269
II. Nợ dài hạn	330		41.988.590.637	10.517.429.971
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	5.627.600.000	5.629.600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	36.360.990.637	4.887.829.971
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.301.235.214	357.292.885.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	357.301.235.214	357.292.885.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.962.750.000	342.962.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.962.750.000	342.962.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.343.331.590	3.343.331.590
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.995.153.624	10.986.803.978
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.986.803.978	10.807.475.009
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.349.646	179.328.969
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		429.351.775.757	378.062.085.138

Hoàng Văn Hà
Người lập

Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Việt Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 06 tháng 05 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.264.419.842	12.851.116.706
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.264.419.842	12.851.116.706
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.415.621.219	3.632.990.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.848.798.623	9.218.126.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	718.330.118	473.987.703
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	629.803.176	541.899.817
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		629.803.176	541.899.817
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.883.120.165	18.628.847.348
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.205.400	(9.478.633.223)
12. Thu nhập khác	31		363.849.750	10.005.216.636
13. Chi phí khác	32		311.914.532	124.452.821
14. Lợi nhuận khác	40		51.935.218	9.880.763.815
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.140.618	402.130.592
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6a	147.668.114	272.678.765
17. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6b	(49.877.142)	(49.877.142)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.349.646	179.328.969
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.349.646	179.328.969
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	0,2	5,2
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	0,2	5,2

Hoàng Văn Hà
Người lập

Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng

Đỗ Viết Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 06 tháng 05 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	106.140.618	402.130.592
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.856.495.515	2.895.939.850
Các khoản dự phòng	03	-	9.961.555.839
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(718.330.118)	(473.987.703)
Chi phí lãi vay	06	629.803.176	541.899.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.874.109.191	13.327.538.395
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(35.156.034.411)	(141.736.336.860)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(2.758.340.756)	(3.928.351.732)
Giảm/tăng các khoản phải trả	11	18.956.786.738	(8.126.031.759)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(20.356.564)	50.166.284
Tiền lãi vay đã trả	14	(629.803.176)	(541.899.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(314.878.698)	(52.688.322)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(47.100.000)	(37.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	(16.095.617.676)	(141.045.403.811)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(9.699.321.640)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.320.758.904)	(2.470.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.608.542.466	9.617.346.575
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515.101.312	355.309.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.197.115.126)	(2.196.665.685)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	32.506.646.104	2.673.446.527
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.033.485.438)	(744.034.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.473.160.666	147.880.162.527
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.819.572.136)	4.638.093.031
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.393.068.661	3.754.975.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	6.573.496.525	8.393.068.661

Hoàng Văn Hà
Người lập

Hoàng Văn Hà
Kế toán trưởng



Đỗ Viết Tập
Tổng Giám đốc
Ngày 06 tháng 05 năm 2022